Hướng dẫn chung về phòng ngừa tác hại của hoá chất

PHẦN I

* Hướng dẫn chung về phòng ngừa tác hại của hoá chất
* A-xê-tíc axít
* Tác hại của hợp chất asen
* Aniline
* Ammonia
* Acetaldehyt
* Antimony
* Antimony Lactate
* Antimony Pentachloride
* Antimony Pentafluoride
* Antimony Postassium Tartrate
* Antimony Tribromide
* Antimony Trichloride
* Antimony Trifluoride
* Atimony Trioxide
* Acrolein
* n- Amylacetate

1 - Quản lý và tàng trữ

- Bảo quản cách ly những chất có tác dụng tơg kỵ và phản ứng.

- Các phương tiện chứa hoá chất phải được đóng kín, chặt, để ở nơi thoáng mát, tránh nhiệt.

Đối với các dung môi:

- Cấm lửa, cấm tia lửa lửa ở nơi bảo quản, sử dụng, tàng trữ, vận chuyển hoá chất. Các máy móc, thiết bị điện được sử dụng ở đây phải tránh được nổ.

- khi vận chuyển, các dụng cụ chứa từ 25 lít trở lên phải có đai buộc và dây tiếp đất.

- Các thùng chứa phải có van tự động đóng, áp suất chân không, có phương tiện cứu hoả kèm theo.

- Khi mở công- ten-nơ không được dùng có dụng cụ, thiết bị phát tia lửa.

- Phải hoạch định và đánh dấu những nơi tàng trữ, sử dụng hoá chất.

2 - Hạn chế ô nhiễm, thực hiện vệ sinh an toàn

- Quy trình vận hành kín.

- Thông hút gió cục bộ tại những nơi hoá chất được giải phóng ra.

- Không ăn, uống hút thuốc ở nơi làm việc.

- Rửa tay cẩn thận trước khi ăn uống, hút thuốc.

- Quần áo bị ô nhiễm phải thay ngay.

- Nếu hoá chất dây vào da phải lập tức rửa.

- Sau ca làm việc phải tắm rửa sạch sẽ.

- Khi vệ sinh nhà xưởng, đối với các chất dạng bột phải dùng phương pháp ướt hoặc máy hút bụi. Cấm quét khô.

- Tại nơi làm việc phải có sẵn vòi nước sạch để rửa mắt và các phương tiện tắm rửa sẵn sàng cho việc cấp cứu.

- Tập huấn cho người lao động hiểu biết tác hại của hoá chất , biện pháp an toàn.

- Hàng năm đo môi trường và khám sức khoẻ bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

3 - Trang bị bảo hộ lao động

- Cần nhớ rằng hạn chế ô nhiễm môi trường tốt hơn là phải dùng trang bị bảo hộ lao động. Tuy nhiên, trong điều kiện không thể giải quyết được môi trường lao động buộc phải dùng trang bị bao hộ lao động.

- Bảo vệ da: đeo găng tay và mặc quần áo bảo hộ lao động thích hợp. Nếu làm việc với dung môi, găng tay và quần áo phải làm bằng vật liệu cản được dung môi. Tất cả mọi trang bị găng tay, tất, trùm đầu, quần áo... phải thay hàng ngày. Không mang quần áo và trang bị bảo hộ lao động khác bị ô nhiễm về.

- Bảo vệ mắt: Dùng tấm chắn và đeo kính cản các tia hoá chất bắn vào (khi làm việc với dạng bột, bụi) hay kính cản khí (khi làm việc với dạng khí, khói).

- Không đeo kính tiếp xúc (kính áp tròng) khi làm việc.

- Bảo vệ hô hấp: Trước khi chọn mặt nạ hô hấp thích hợp phải xem xét kĩ:

+ Điều kiện ở nơi làm việc;

+ Thử nghiệm;

+ Kiểm tra y tế.

Cần biết rằng dùng không đúng mặt nạn hô hấp rất nguy hiểm.

4 - Cấp cứu tại chỗ

- Nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại dễ gây tai nạn do hoá chất hay hoả hoạn cần thực hiện những quy định sau:

- Phải có đủ trang bị phưươnng tiện kĩ thuật, y tế thích hợp nh: Thuốc cấp cứu, bông băng, mặt nạ phòng độc, cáng thương xe cấp cứu....

- Có phương án dự phòng, xử lý các sự cố có thể xảy ra.

- Phải tổ chức đội cấp cứu người và đội cứu hoả.

- Đội cấp cứu và người lao động thường xuyên luyện tập.

- Khi có sự cố xẩy ra tai nạn phải nhanh chóng đưa nạn nhân ra nơi thoáng khi, tránh ở nơi lộng gió hoặc quạt mạnh, không nên tụ tập đông người. Người cấp cứu phải đeo mặt nạn phòng độc, đa nạn nhan ra ngược chiều gió.

- Cởi bỏ quần áo, trang bị bảo hộ lao động bị ô nhiễm.

- Lau người bằng nớc sạch (chú ý miệng, mũi, tai v.v...) không lau bằng cồn hoặc nớc nóng vì hoá chất dễ thấm qua da.

- Nạn nhân bị ngừng thở thổi ngạt qua miệng hoặc qua mũi nạn nhân, nạn nhan bị ngừng tim phải ép tim ngoài lồng ngững, ép ở 1/3 dới xuương ức sâu từ 3 - 4 cm, tốc độ 1 giây/lần, ép 4 - 5 lần ngừng vài giây để thổi ngạt.

- Đa nạn nhân đến bệnh viên tiếp tục theo dõi, điều trị trong thời gian thích hợp để phòng tác hại đến chậm. Sau đó cho nạn nhân nghỉ an dưỡng. Cần thiết bố trí công việc khác phù hợp với sức khoẻ.

* Chú ý: Nạn nhân bị nhiễm độc nặng đa vào bệnh viện cấp cứu phải mang theo hồ sơ các chất độc có trong môi trường tiếp xúc.

- Nạn nhân bị bỏng do nhiệt phải cấp cứu bỏng.

- Nạn nhân nhiễm độc do ăn uống tuỳ theo từng tác hại của từng chất mà xử lý thích hợp.

CÁC HÓA CHẤT VÀ TÁC HẠI

A-xê-tíc axít

1 - Tên khác

Ethannoic axít, methanecarboxylic axít, dấm.

2 - Nghề, công việc có thể bị tiếp xúc

Sản xuất thuốc, sản xuất thuốc nhuộm, sản xuất nhựa, thực phẩm, sản xuất hoá chất bảo vệ thực vật, sản xuất tơ nhân tạo acetate, làm mũ...

3 - Tác hại

a - Cháy nổ

- Acetic là một chất lỏng cháy được, khi gặp lửa có thể sinh ra khi độc, các đồ chứa có thể nổ.

b - Sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: hệ hô hấp, da, mắt, răng.

- Tác hại cấp:

+ Dây vào da, mắt có thể gây bỏng nặng đa đến tổn thương vĩnh viễn cho mắt.

+ Hít phải hơi acetic axít làm cho mắt, mũi, họng bị kích thích. Phổi cũng bị kích thích làm cho ho, khó thở. Mức tiếp xúc cao hơn có thể gây phù (Pulmonary edema).

- Tác hại mạn:

+ Những tiếp xúc thường xuyên dẫn đến viêm phế quản tiến triển với ho, đờm nhiều, khó thở.

+ Những tiếp xúc lặp đi lặp lại làm dày da, nứt nẻ da (nhất là da bàn tay), mòn răng.

4 - Biện pháp an toàn: (Xem chỉ dẫn chung)

- Cách xa các chất ô-xy hoá mạnh nh: Chlorine, Bromine, Fluorine, Chromic axít, Dodium peroxide, Nitric axít, các chất cháy được, các chất kiềm mạnh.

5 - Cấp cứu ban đầu

a - Cháy nổ: Có thể dùng CO_2 hoặc bọt cứu hoả dập lửa.

b - Y tế

- Mắt: Xối nớc sạch 30 phút;

- Da: Rửa nớc sạch liên tục hoặc dùng nớc vôi trong.

Về đầu trang >>

Tác hại của hợp chất asen

1 - Ngành, nghề, công việc tiếp xúc

- As_2O_3 dùng làm thuốc diệt chuột, diệt côn trùng, sản xuất thuỷ tinh nhồi xác động vật.

- $AsCl_3$ sản xuất đồ góm sứ.

- As_2O_5 sản xuất thuỷ tinh, bảo quản gỗ, diệt cỏ, diệt nấm.

- Nghề xử lý quặng asen, luyện thiếc, luyện kim loại màu, sản xuất hoá chất bảo vệ thực vật, nghề thuộc da.

2 - Tác hại đến sức khoẻ

- Tác hại cấp: Dấu hiệu sớm là khô miệng, khó nuốt, đau bụng dữ dội, nôn, ỉa chảy phân có lẫn máu, huyết áp giảm, dái ít, nhiệt độ cơ thể giảm, chân tay bị co rút, toànthân co giật dẫn đến tử vong.

- Tác hại mạn: Đau bụng, đau các khớp xương, suy nhợc cơ thể nặng lên, ỉa chảy, sạm da, viêm họng, viêm lợi, viêm đường hô hấp.

+ Tổn thương thần kinh: Tế cóng, bỏng da, ngứa, theo cơ, liệt chi.

+ Tổn thương da: Sạm da, sừng hoá, rụng lông, tóc...

+ Hợp chất asen làm biến đổi nhiễm sắc thể (ADN).

+ Hà Nội đã xảy ra nhiễm độc cấp 2 nạn nhân do tiếp xúc với bụi chứa asen.

3 - Biện pháp an toàn

- Nhà xởng phải thông thoáng, có hệ thống xử lý bụi, xử lý hơi khí thích hợp không gây ô nhiễm môi trường. Cấm dùng quạt trần thông gió, chống nóng nơi có bụi.

- Người lao động phải sử dụng mặt nạ phòng nhiễm độc asen. Cấm dùng khẩu trang thấm nớc vì asen gặp nớc tạo thành acsin rất độc.

- Nền nhà, tờng nhà phải nhẵn, không thấm nớc, sân nhà thoai thoải dễ thoát nớc, thường xuyên cọ rửa sàn nhà.

- Những ngày độ ẩm cao không nên sản xuất vì asen gặp nớc tạo thành acsin cực độc.

- Cấm ăn uống, hút thuốc tại nơi làm việc.

- Người lao động phải được tập huấn về tác hại của asen và biện pháp an toàn.

- Thường xuyên phải đo kiểm môi trường, khám bệnh nghề nghiệp 6 tháng một lần, định lợng asen trong máu, trong nớc tiểu.

- Không tuyển dụng và bố trí người có bệnh thần kinh, gan, thận, bệnh ngoài da.

Anilnine

1 - Tên khác

Aminobenzene, Aminiphen, Benzenamine, Phenylamine.

2 - Nghề, công việc, qui trình có tiếp xúc

Sản xuất thuốc nhuộm, công nghệ cao su, tthuộc da, mực in.

Sản xuất thuốc diệt cỏ, sản xuất dợc.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ cháy nổ

Aniline là một chất lỏng cháy được, khi cháy sinh ra khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, tiêu hoá, dây dính, hấp thụ qua da.

- Cơ quan đích: Máu, hệ tim mạch, gan, thận

- Tác hại cấp:

+ Aniline tác hại đến khả năng mang ô-xy của máu, dấu hiệu đầu tiện là da và môi xanh tím.

+ Gây đau đầu, mỏi mệt, lơ mơ, khó thở, buồn ngủ dẫn đến hôn mê.

+ Kích thích mắt, gây tổn thương mắt, rố loạn thị giác , ù tai.

- Tác hại mạn:

+ Aniline gây biến đổi gien. Bệnh nhân bị thiếu máu, da vàng hoặc tím tái nhẹ, mỏi mệt sút cân gây ung th bàng quang, cũng có thể gây tác hại cho sinh sản. đã có những chứng cớ cho thấy những phụ nữ làm việc ở xí nghiệp nhuộm aniline có tỷ lệ rối loạn kinh nguyệt và sẩy thai cao gây viêm da cấp tính kèm theo phù, chàm.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất (Xem chỉ dẫn chung)

b - Cấp cứu tại chỗ

Cứu hoả: Khi cháy dập bằng CO_2, bột alcohol và dùng nước làm mát các phương tiện chứa đựng tiếp xúc với lửa.

Cứu nạn nhân:

- Aniline dây vào mắt: lập tức dùng thật nhiều nớc sạch xối liên tục ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi. Chuyển đến cơ sở y tế ngay.

- Aniline dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng thật nhiều nớc và xà phòng rửa nơi hoá chất dây vào, chuyển đến cơ sở y tế ngay.

- Hít phải nhiều Aniline: chuyển ngay ra khỏi nơi tiếp xúc, hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở, ép tim ngoài lồng ngực nếu nạn nhân ngừng tim. Chuyển nhanh đến cơ sở y tế.

Ammonia

1 - Tên khác

Anhydrous Ammonia, Ammonium Hydroxide.

2 - Nghề, công việc, quy trình có tiếp xúc

- Sản xuất phân bón, sản xuất chất dẻo, nhuộm, dệt.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Amonia là chất khí có thể cháy nhng không dễ kích thích cháy, gặp lửa các phương tiện chứa đựng có thể nổ.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, tiêu hoá, dây dính.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, mắt.

- Tác hại cấp:

+ Gây bỏng da, bỏng mắt nặng dẫn đến tổn thương vĩnh viễn.

+ Kích thích mắt, mũi, họng. Nồng độ cao kích thích phổi gây ho, khó thở. Mức rất cao có thể gây phù phổi dẫn đến chết.

+ Gây đau đầu, mất khứu giác, kích thích dạ dày gây nôn mửa.

- Tác hại mạn:

+ Kích thích mắt, mũi, họng và khí đạo, những chất có tính kích thích thường gây tổn thương phổi, nhng ammonia có gây tổn thương phổi không hì cha rõ.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung;

- Trong bảo quản tránh để ammonia tiếp xúc với các chất ô-xy hoá mạnh, chlorine, Bromine, Iodine, các axít, vàng, bạc, thuỷ ngân, can - xi, Hypochloride.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi cháy dừng ngay luồng khí đồng thời dùng tác nhân thích hợp dập lửa xung quanh.

- Cứu nạn nhân:

+ Ammonia vào mắt: Lập tức dùng nớc sạch xối liên tục 30 phút, thỉnh thoảng lật mi. Đến cơ sở y tế ngay.

+ Ammonia dây vào da: Nhanh chóng cới bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng thật nhiều nớc để rửa. Đến cơ sở y tế ngay.

Nạn nhân hít phải nhiều ammonia: Chuyển ngay ra khỏi nơi tiếp xúc, hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. ép tim ngoài lồng ngực nếu ngừng tim. Nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế, phải theo dõi 3 ngày sau vì có thể phù phổi đến chậm.

Acetaldehyt

1 - Tên khác

Acetic aldehyde

2 - Nghề, công việc, quy trình có tiếp xúc

Sản xuất hoá chất

3 - Tác hại

a - Cháy nổ

Dễ cháy nổ, khi gặp lửa sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, tiêu hoá, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Da, hệ hô hấp, thận

- Tác hại cấp:

+ Kích thích da, gây ban hoặc cảm giác bỏng chỗ tiếp xúc.

+ Dạng lỏng có thể gây bỏng mắt, nghiêm trọng dẫn đến tổn thương vĩnh viễn.

+ Hít phải hơi acetaldehyde kích thích mắt, mũi, họng, làm khó thở. Tiếp xúc nồng độ cao gây phù phổi (pulmoraryedema), có thể dẫn đến tử vong.

+ Hơi ở nồng đồ cao làm cho buồn ngủ, choáng váng, bất tỉnh, chết.

- Tác hại mạn:

+ Acetal dehyde có thể gây biến đổi gien, gây quái thai trên động vật thực nghiệm;

+ Gây dị ứng da;

+ Tiếp xúc lặp đi lặp lại gây kích thích da và mắt.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

Xem chỉ dẫn chung

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Nếu cháy dùng CO_2 để dập. Dùng nớc để làm mát thùng chứa.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Dùng nớc sạch xối liên tục ít nhất 30 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

- Hoá chất dây vào da: Lập tức cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng nớc sạch để rửa.

- Nạn nhân hít phải nhiều hoá chất: Nhanh chóng đa nạn nhân ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở, chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt, phải theo dõi 24 - 48 giờ để phòng khả năng phù phổi chậm.

- Nếu nạn nhân nuốt phải hoá chất: Đừng gây nôn. Đến cơ sở y tế ngay.

Antimony

1 - Tên khác

Stibium

2 - Nghề, công việc, quy trình có tiếp xúc

Chế tạo hợp kim, tráng men, sản xuất diêm, sản xuất các hợp chất cao su.

3 - Tác hại

- Antimony là một chất rắn cháy được;

- Khi gặp lửa sinh ra khí độc là antimoni và stibine.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính;

- Cơ quan đích: hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp:

+ Buồn nôn, viêm họng, kích thích khí quản, tiếp xúc mức cao hơn có thể gây xung huyết phổi, loạn nhịp tim hoặc ngừng tim dẫn đến tử vong.

+ Kích thích mắt, kích thích da gây ban ngứa.

- Tác hại mạn:

+ Đã có những chứng cứ về antimony gây giảm khả năng sinh sản ở nữ.

+ Gây đau đầu, kém ăn, khô họng, mất ngủ.

+ Gây tổn thương gan, cơ tim với điện tâm đồ bát thường, khi tiếp xúc thường xuyên hoặc tiếp xúc mức cao.

+ Tiếp xúc thường xuyên lâu dài có sự thay đổi trên phim X quang lồng ngực, nhng có phải là do antimony không cần nghiên cứu thêm.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung;

- Cấm để tiếp xúc với axít sẽ sinh ra stibine là một loại khí rất nguy hiểm.

- Vệ sinh nhà xởng phải dùng máy hút bụi hoặc phương pháp khô, cấm quét khô.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi cháy phải dùng chất thích hợp cho dập lửa kim loại. Cấm dùng nớc.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: lập tức xối thật nhiều nước sạch liên tục ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng thật nhiều nước để rửa.

+ Nạn nhân hít phải nhiều antimony: đa ngay nạn nhân ra nơi thoáng khí, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở.

+ Chuyển ngay đến cơ sở y tế gần nhất và phải theo dõi y tế từ 1 đến 2 ngày để phòng tác hại đến tim, phổi đến chậm.

Antimony Lactate

1 - Nghề, công việc, quy trình có tiếp xúc

Nhuộm

2 - Tác hại

a - Nguy cơ cháy nổ: Bản thân Antimony Lactate không tự cháy nhng khi gặp lửa sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hâp, dây dính.

- Tác hại cấp:

+ Đắng miệng, buồn nôn, viêm họng, kích thích khí quản. Tiếp xúc với nồng độ cao gây xung huyết phổi, loạn nhịp tim, thậm chí dẫn đến chết.

+ Kích thích da, gây ban, ngừa và làm chảy nớc mắt.

- Tác hại mạn:

+ Gây đau đầu, kém ăn, khô họng, mất ngủ.

+ Gây tổn thương gan và cơ tim với điện tâm đồ bất thường, nếu tiếp xúc mức cao hoặc tiếp xúc thường xuyên.

+ Thường xuyên tiếp xúc với antimony lactate có thể xảy ra sự thay đổi trên phim X quang ngực, nhng hiện nay cha thể kết luận là do antimony lactate, cần nghiên cứu thêm.

3 - Biện pháp an toàn

- Xem chỉ dẫn chung;

a - An toàn hoá chất

- Tránh để tiếp xúc với các chất ô-xy hoá mạnh, các a-xít. Nếu tiếp xúc với axít có thể sinh ra stibine là chất rất nguy hiểm.

- Vệ sinh nhà xởng phải dùng máy hút bụi hoặc phương pháp ớt. Cấm quét khô.

b - Cấp cứu tại chỗ

Cứu hoả: Nếu xung quanh cháy dập bằng các tác nhân thích hợp.

Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Lập tức xối thật nhiều nớc sạch liên tục ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cới bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng thật nhiều nớc để rửa.

+ Nạn nhân hít phải hoá chất: Đa ngay ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt, phải theo dõi 1-2 ngày sau vì ảnh hởng đén phổi và các ảnh hởng khác có thể đến chậm.

Antimony pentachloride

1 - Tên khác

Antimony (V) Chloride

2 - Nghề, công việc, quy trình có tiếp xúc

- Nhuộm, tạo màu các kim loại, trong nhiều phản ứng chất hữu cơ.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony pentachloride không tự cháy, nhng khi gặp lửa sinh khí độc trong đó có chlorine.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp:

+ Gây viêm họng, kích thích khí quản làm ho.

+ Gây buồn nôn, đắng miệng, làm bỏng da, ban da.

+ Mức cao hơn có thể gây phù phổi, tim đập loạn nhịp hoặc ngừng đập dẫn đến tử vong.

- Tác hại mạn:

+ Gây đau đầu, kém ăn, khô họng, mất ngủ.

+ Gan và cơ tim có thể bị tổn thương nếu tiếp xúc với mức cao hoặc tiếp xúc thường xuyên.

+ Các chất cótính kích thích nh vậy thường có khả năng gây tác hại cho phổi, nhng với antimony pentachloride thì cha rõ.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

Xem chỉ dẫn chung

Tránh tiếp xúc với chất hữu cơ hoặc các vật liệu cháy được nh: gỗ, giáy, dầu v.v...

b - Cấp cứu tại chỗ

- Hoá chất dây vào mắt: Lập tức xối thật nhiều nớc sạch, ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi tại chỗ.

- Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng nhiều nớc để rửa.

- Nạn nhan hít phải hoá chất: Đa ngay ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngững thở. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhành càng tốt, phải theo dõi 1-2 ngày sau vì ảnh hởng đến phổi và các ảnh hởng khác có thể đến chậm.

Antimony Pentafluoride

1 - Tên khác

Antimony (V) fluoride, Pentafluoriantimony

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sử dụng antimony pentafluoride làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học, sử dụng antimony pentafluoride làm nguồn fluorine trong các phản ứng flo hoá.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony pentafluoride không tự cháy, những khi gặp lửa có thể sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp

+ Viêm họng, buồn nôn, đắng miệng, kích thích khí quản gây ho.

+ Tiếp xúcvới nồng độ cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim, thậm chí dẫn đến chết.

+ Gây bỏng mắt, tổn thương thị giác, gây bỏng da, ban da.

- Tác hại mạn:

+ Đau đầu, kém ăn, viêm họng, mất ngủ.

+ Có thể gây tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc ở mức cao hoặc tiếp xúc thường xuyên.

4 - Biện pháp an toàn

Xem chỉ dẫn chung

a - An toàn hoá chất

- Tránh tiếp xúc với các phosphorus, các phosphate, các chất hữu cơ và các vật liệu cháy được.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi xung quanh bị cháy, dập tắt bằng các phương tiện thích hợp.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Lập tức xối thật nhiều nớc sạch liên tục ít nhất 30 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ trang bị đã bi ô nhiễm, lập tức dùng thật nhiều nớc để rửa. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt.

+ Nạn nhân hít phải hóa chất: Đa ngay ra nơi thoáng khi, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế ngay, phải theo dõi 1-2 ngày vì có thể có các tác hại đến chậm.

Antimony Pentafluoride

1 - Tên khác

Antimony (V) fluoride, Pentafluoriantimony

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sử dụng antimony pentafluoride làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học, sử dụng antimony pentafluoride làm nguồn fluorine trong các phản ứng flo hoá.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony pentafluoride không tự cháy, những khi gặp lửa có thể sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp

+ Viêm họng, buồn nôn, đắng miệng, kích thích khí quản gây ho.

+ Tiếp xúcvới nồng độ cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim, thậm chí dẫn đến chết.

+ Gây bỏng mắt, tổn thương thị giác, gây bỏng da, ban da.

- Tác hại mạn:

+ Đau đầu, kém ăn, viêm họng, mất ngủ.

+ Có thể gây tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc ở mức cao hoặc tiếp xúc thường xuyên.

4 - Biện pháp an toàn

Xem chỉ dẫn chung

a - An toàn hoá chất

- Tránh tiếp xúc với các phosphorus, các phosphate, các chất hữu cơ và các vật liệu cháy được.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi xung quanh bị cháy, dập tắt bằng các phương tiện thích hợp.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Lập tức xối thật nhiều nớc sạch liên tục ít nhất 30 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ trang bị đã bi ô nhiễm, lập tức dùng thật nhiều nớc để rửa. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt.

+ Nạn nhân hít phải hóa chất: Đa ngay ra nơi thoáng khi, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế ngay, phải theo dõi 1-2 ngày vì có thể có các tác hại đến chậm.

Antimony Pentafluoride

1 - Tên khác

Antimony (V) fluoride, Pentafluoriantimony

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sử dụng antimony pentafluoride làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học, sử dụng antimony pentafluoride làm nguồn fluorine trong các phản ứng flo hoá.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony pentafluoride không tự cháy, những khi gặp lửa có thể sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp

+ Viêm họng, buồn nôn, đắng miệng, kích thích khí quản gây ho.

+ Tiếp xúcvới nồng độ cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim, thậm chí dẫn đến chết.

+ Gây bỏng mắt, tổn thương thị giác, gây bỏng da, ban da.

- Tác hại mạn:

+ Đau đầu, kém ăn, viêm họng, mất ngủ.

+ Có thể gây tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc ở mức cao hoặc tiếp xúc thường xuyên.

4 - Biện pháp an toàn

Xem chỉ dẫn chung

a - An toàn hoá chất

- Tránh tiếp xúc với các phosphorus, các phosphate, các chất hữu cơ và các vật liệu cháy được.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi xung quanh bị cháy, dập tắt bằng các phương tiện thích hợp.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Lập tức xối thật nhiều nước sạch liên tục ít nhất 30 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ trang bị đã bi ô nhiễm, lập tức dùng thật nhiều nước để rửa. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt.

+ Nạn nhân hít phải hóa chất: Đa ngay ra nơi thoáng khi, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế ngay, phải theo dõi 1-2 ngày vì có thể có các tác hại đến chậm.

Antimony Pentafluoride

1 - Tên khác

Antimony (V) fluoride, Pentafluoriantimony

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sử dụng antimony pentafluoride làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học, sử dụng antimony pentafluoride làm nguồn fluorine trong các phản ứng flo hoá.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony pentafluoride không tự cháy, những khi gặp lửa có thể sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp

+ Viêm họng, buồn nôn, đắng miệng, kích thích khí quản gây ho.

+ Tiếp xúcvới nồng độ cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim, thậm chí dẫn đến chết.

+ Gây bỏng mắt, tổn thương thị giác, gây bỏng da, ban da.

- Tác hại mạn:

+ Đau đầu, kém ăn, viêm họng, mất ngủ.

+ Có thể gây tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc ở mức cao hoặc tiếp xúc thường xuyên.

4 - Biện pháp an toàn

Xem chỉ dẫn chung

a - An toàn hoá chất

- Tránh tiếp xúc với các phosphorus, các phosphate, các chất hữu cơ và các vật liệu cháy được.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi xung quanh bị cháy, dập tắt bằng các phương tiện thích hợp.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Lập tức xối thật nhiều nớc sạch liên tục ít nhất 30 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ trang bị đã bi ô nhiễm, lập tức dùng thật nhiều nớc để rửa. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt.

+ Nạn nhân hít phải hóa chất: Đa ngay ra nơi thoáng khi, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế ngay, phải theo dõi 1-2 ngày vì có thể có các tác hại đến chậm.

Antimony Pentafluoride

1 - Tên khác

Antimony (V) fluoride, Pentafluoriantimony

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sử dụng antimony pentafluoride làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học, sử dụng antimony pentafluoride làm nguồn fluorine trong các phản ứng flo hoá.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony pentafluoride không tự cháy, những khi gặp lửa có thể sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp

+ Viêm họng, buồn nôn, đắng miệng, kích thích khí quản gây ho.

+ Tiếp xúcvới nồng độ cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim, thậm chí dẫn đến chết.

+ Gây bỏng mắt, tổn thương thị giác, gây bỏng da, ban da.

- Tác hại mạn:

+ Đau đầu, kém ăn, viêm họng, mất ngủ.

+ Có thể gây tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc ở mức cao hoặc tiếp xúc thường xuyên.

4 - Biện pháp an toàn

Xem chỉ dẫn chung

a - An toàn hoá chất

- Tránh tiếp xúc với các phosphorus, các phosphate, các chất hữu cơ và các vật liệu cháy được.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi xung quanh bị cháy, dập tắt bằng các phương tiện thích hợp.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Lập tức xối thật nhiều nớc sạch liên tục ít nhất 30 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ trang bị đã bi ô nhiễm, lập tức dùng thật nhiều nớc để rửa. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt.

+ Nạn nhân hít phải hóa chất: Đa ngay ra nơi thoáng khi, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế ngay, phải theo dõi 1-2 ngày vì có thể có các tác hại đến chậm.

Antimony Tribromide

1 - Tên khác

Stibine Tribromo

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sản xuất các muối antimony, thuốc nhuộm, hoá phân tích.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony tribromide không tự cháy, khi gặp lửa sinh ra khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp:

+ Gây viêm họng, buồn nôn, đắng miệng và gây ho.

+ ở liều cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim, thậm chí có thể dẫn đến chết.

+ Gây bỏng da, có thể đa đến tổn thương vĩnh viễn.

- Tác hại mạn:

+ Gây khô họng, kém ăn, đau đầu, kém ngủ.

+ có thể gây tổn thương gan và cơ tim khi tiếp xúc mức cao hoặc tiếp xúc thương xuyên.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung

Tránh để tiếp xúc với postassium, sodium và các ba-zơ, các a -xít.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Nếu xung quanh cháy dùng các tác nhân thích hợp để xử lý.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Tập tức xối nớc sạch liên tục ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng thật nhiều nớc để rửa.

+ Nạn nhân hít phải nhiều hoá chất: Đa ngay ra nơi thoáng khí, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt, phải theo dõi 24 - 48 giừo sau vì phù phổi cấp có thể xảy ra chậm.

Antimony Trichloride

1 - Tên khác

Antimonius chloride, Antimony chloride, Trichloro stibine.

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sản xuất các muối antimony, sản xuất thuốc, dệt sản phẩm không bắt lửa, dùng antimony trichloride làm chất phản ứng trong nhiều phản ứng hữu cơ.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân antimony trichloride không tự cháy nhng khi gặp lửa sinh khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, dây dính vào da, vào mắt.;

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ tim mạch, da, mắt.

- Tác hại cấp:

+ Viêm họng, nuồn nôn, đắng miệng, kích thích phế quản gây ho.

+ Tiếp xúc với nông đồ cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim dẫn đến chết.

- Tác hại mạn:

+ Khô họng, kém ăn, kém ngủ, đau đầu.

+ Gây tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc thường xuyên hoặc tiếp xúc ở nông độ cao.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung

- Tránh để tiếp xúc với nhôm, kali, Natri, các axít.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Nếu xung quanh cháy, dùng tác nhân thích hợp để dập.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: dùng nhiều nớc sạch xối liên tục ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi. Chuyển đến cơ sở y tế ngay.

- Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở và chuyển đến y tế ngay. Cần theo dõi liên tục 1-2 ngày để phòng ngừa ảnh hởng phổi và các ảnh hởng khác đến chậm.

Antimony Trifluoride

1 - Tên khác

Stibine Trifluoro, Antinmonius Fluoride, Trifluoro Antimony.

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Nhuộm, sản xuất gốm sứ, dùng trifluoride làm tác nhân fluo hoá.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Bản thân trifluoride không tự cháy, nhng khi gặp lửa có thể sinh ra khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, tiêu hoá, dây dính vào da, mắt.

- Cơ quan đích:Hệ hô hấp, hệ thần kinh trung ương, da và mắt.

- Tác hại cấp:

+ Gây viêm họng , viêm mũi.

+ Kích thích khí quản gây ho, cao gây phù phổi, loạn nhịp tim, ngừng tim dẫn đến chết.

+ Gây bỏng da, mắt và có thể đa đến tổn thương vĩnh viễn.

- Tác hại mạn:

+ Gây đau đầu, kém ngủ, khô họng, kém ăn, làm suy nhợc cơ thể.

+ Có thể gây tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc thường xuyên hoặc tiếp xúc với mức cao.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung

- Tránh để tiếp xúc với axít Perchloric nong, không để gần axít.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Nếu xung quanh cháy dùng các tác nhân thích hợp để dập tắt.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất vào mắt: Lập tức dùng thật nhiều nớc sạch xối liên tục ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: nhanh chóng cởi bỏ trang bị đã bị ô nhiễm, dùng thật nhiều nớc để rửa.

+ Nạn nhân hít phải nhiều hoá chất: Chuyển ngay ra nơi thoáng khí, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế, cần theo dõi 1 - 2 ngày để phòng tác hại đến phổi và các tác hại đến chậm.

Atimony Trioxide

1 - Tên khác

Atimoniuos Oxide, Antimony Peoxide, Antimony Sesquioxide, Antimony trắng.

2 - Nghề, công việc, quy trình tiếp xúc

Sản xuất vật liệu cách lửa, sản xuất đồ gốm sứ, tạo màu sắt, đồng, làm mất màu thuỷ tinh.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Antimony Trioxide là chất rắn cháy được, khi cháy sinh ra khí độc.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, tiếu hoá, dây dính vào da hay mắt.

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, hệ thần kinh trung ương, da, mắt.

- Tác hại cấp:

+ Buồn nôn, đắng miệng, viêm họng, kích thích khí quản.

+ Tiếp xúc liều cao gây loạn nhịp tim, ngừng tim, phù phổi dẫn đến chết.

+ Kích thích da và mắt, có thể gây bỏng da, bỏng mắt.

- Tác hại mạn:

+ Gây đau đầu, mất ngủ, kém ăn, khô họng.

+ Làm tổn thương gan và cơ tim, nếu tiếp xúc thường xuyên hoặc tiếp xúc ở nồng độ cao.

+ Có những bằng chứng cho thấy sự liên quan giữa sự tiếp xúc với antimony trioxide làm tăng ung th phổi.

+ Antimony trioxide có thể là tác nhân gây ung th gan cho người , người ta thấy nó gây ung th gan trên động vật.

+ Nhiều nhà khoa học cho rằng không có nồng độ nào là an toàn khi tiếp xúc với chất gây ung th.

+ Đã có những bằng chứng về Antimony gây tổn thương thai nhi và gây sẩy thai.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung;

- Tránh để tiếp xúc với Bromine trifluoride. Không để gần các a-xít.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Nếu cháy dập bằng CO_2, nước, bọt cứu hoả.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: lập tức dùng nhiều nước sạch xối liên tục, ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt. Chuyển đến cơ sở y tế ngay.

+ Hoá chất dây vào da: Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, dùng thật nhiều nước và xà phòng để rửa.

+ Nạn nhân hít phải hoá chất: Chuyển ngay ra nơi thoáng khí, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Chuyển đến cơ sở y tế càng nhanh càng tốt, phải theo dõi 1-2 ngày sau vì tác hại có thể đến chậm.

Acrolein

1 - Tên khác

2-Propenal, Acrylic Aldehyde, Allylaldehyde

2 - Nghề, công việc, tiếp xúc

Sản xuất chất dẻo, sản xuất dợc phẩm, sản xuất hơi gây chảy nớc mắt.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

Acrolein là chết lỏng dễ cháy, khi gặp lửa sinh khi độc. Các công ten nơ chứa acrolein gặp lửa có thể nổ.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, tiêu hoá, dây dính.

- Cơ quan đích: hệ hô hấp, tim, mắt, da.

- Tác hại cấp:

+ Acrolein dây vào mắt gây bỏng nặng.

+ Hít phải hơi acrolein kích thích phổi, gây ho, khó thở, liều cao có thể gây phù phổi đa đến chết.

+ Hơi acrolein kích thích mắt, mũi, họng gây ho.

+ Hít phải hơi acrolein bị choáng váng, buồn nôn, đau đầu, ở nông độ cao có thể bị bất tỉnh và chết.

- Tác hại mạn:

+ Acrolein gây biến đổi gien, các hoạt chất này có nguy cơ gây ung th. Nhiều nhà khoa học nghĩ rằng những chất gây ung th nh vậy có khả năng gây tổn thương sinh dục ở người.

+ Acrolein có gây dị ứng da, nếu bị dị ứng da thì lần tiếp xúc sau dù liều rất thấp cũng gây ngứa và ban da.

+ Tiếp xúc lâu bị khô da, nứts da, sừng hoá.

+ Sau nhiều lần tiếp xúc mức cao hoặc tiếp xúc lâu dài có thể bị tổn thương phổi mạn.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung;

- Tránh để Acrolein tiếp xúc với các a-xít, các tác nhân ô-xy hoá nh: các peroxide, chlorate, perchlorate, nitrate, permanganate hoặc các chất kiềm nh: xút, amonia, các amine.

+ ở điều kiện nhiệt độ phòng Acrolein có phản ứng mạnh. Do vậy, cần phải được giữ ổn định bằng chất ức chế và các phương tiện chứa phải đóng chặt để ở nơi thoáng mát, tránh nhiệt.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Khi cháy dập bằng CO_2, bọt alcohol.

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: xối nớc sạch 30 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Rửa nớc sạch liên tục.

+ Nạn nhân hít phải hoá chất: Hít phải liều cao nạn nhân ngừng hô hấp phải đa ngay đến nơi thoáng khí làm hô hấp nhân tạo. Chuyển đến y tế theo dõi 24 - 48 giờ để phòng xảy ra phù phổi chậm.

N- Amylacetate

1 - Tên khác

Amyl acetic ester, Amyl acetic ether, 1-pentanol acetate, Pentyl ester của axít acetic, dầu lê.

2 - Nghề, công việc, tiếp xúc

n-amyl acetate được sử dụng rộng rãi để làm dung môi và trong sản xuất hương liệu nhân tạo.

3 - Tác hại

a - Nguy cơ gây cháy nổ

- n-Amyl Acetate là chất lỏng dễ cháy. Khi gặp lửa sinh khí độc, công - ten - nơ chứa n-Amyl acetate có thể nổ.

- Các hơi n-Amyl acetate có thể bay xa và gây cháy nổ ở xa nguồn.

b - Tác hại đến sức khoẻ

- Đường xâm nhập: Hô hấp, tiêu hoá, dây dính

- Cơ quan đích: Hệ hô hấp, da, mắt, gan.

- Tác hại cấp:

+ n-Amyl Acetate dây vào mắt gây tổn thương nặng.

+ Hơi n-Amyl Acetate kích thích mắt, gây cảm giác bỏng, có thể kích thích mũi, họng, khí quản.

+ Tiếp xuác với n-Amyl Acetate ở nồng độ cao bị đau đầu, lơ mơ, yếu mệt, choáng váng, thậm chí bất tỉnh đa đến tử vong.

- Tác hại mạn:

+ Tiếp xúc mức cao có thể bị tổn thương gan.

+ Tiếp xúc kéo dài gây kích thích ra, khô da, nứt da.

4 - Biện pháp an toàn

a - An toàn hoá chất

- Xem chỉ dẫn chung ;

- Tránh để n-Amyl Acetate tiếp xúc với các chất ô-xy hoá mạnh, các kiềm mạnh, các a-xít mạnh.

b - Cấp cứu tại chỗ

- Cứu hoả: Nếu cháy dập bằng CO_2, bọt alcohol. Có thể dùng nớc làm mát các công-ten-nơ (bình chứa đựng)

- Cứu nạn nhân:

+ Hoá chất dây vào mắt: Xối nớc sạch 15 phút, thỉnh thoảng lật mi mắt.

+ Hoá chất dây vào da: Rửa nớc và xà phòng thật sạch sẽ.

+ Nạn nhân hít phải hoá chất: Hít phải nồng độ cao nạn nhân bị ngừng thở phải đa ra ngay nơi thoáng khí làm hô hấp nhân tạo.